

Số: **28** /2017/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **05** tháng **5** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 16 /2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1036/TTr-STC ngày 27 tháng 4 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết này Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ cho hoạt động hội đồng nhân dân các cấp thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB QPPL(Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT và các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Cao

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp tại tỉnh Thừa Thiên Huế**
(Kèm theo Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND các cấp tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Các chế độ, chính sách, định mức chi tiêu tài chính khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Chủ tọa kỳ họp HĐND, Thư ký kỳ họp HĐND, các Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh và cấp huyện, đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và không chuyên trách ở cấp tỉnh, huyện, xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan tham gia giúp việc, phục vụ cho hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chi hoạt động phục vụ kỳ họp HĐND

Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu HĐND, đại biểu khách mời, lãnh đạo văn phòng, chuyên viên và nhân viên phục vụ theo các mức chi sau:

1. Chủ tọa kỳ họp:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng/người/ngày.
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/người/ngày.

2. Thư ký kỳ họp:

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.
- b) Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày.
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

3. Đại biểu HĐND, đại biểu Quốc hội, khách mời, lãnh đạo văn phòng và chuyên viên tham dự kỳ họp HĐND.

- a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày.
- b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày.
- c) Cấp xã: 70.000 đồng/người/ngày.

4. Nhân viên văn phòng phục vụ, phóng viên và lái xe:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/ngày.
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/ngày.
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Chi xây dựng nghị quyết của HĐND

1. Đối với nghị quyết quy phạm pháp luật:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Đối với nghị quyết không phải là nghị quyết quy phạm pháp luật:

- a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/ng nghị quyết.
- b) Cấp huyện: 700.000 đồng/ng nghị quyết.
- c) Cấp xã: 500.000 đồng/ng nghị quyết.

Điều 5. Chi rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện các dự thảo nghị quyết của HĐND để Chủ tịch HĐND ký chứng thực

1. Đối với nghị quyết loại phức tạp:

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ng nghị quyết.
- b) Cấp huyện: 350.000 đồng/ng nghị quyết.
- c) Cấp xã: 250.000 đồng/ng nghị quyết.

2. Đối với nghị quyết loại ít phức tạp:

- a) Cấp tỉnh: 400.000 đồng/ng nghị quyết.
- b) Cấp huyện: 250.000 đồng/ng nghị quyết.
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/ng nghị quyết.

Việc xác định nghị quyết loại phức tạp và loại ít phức tạp do Thường trực HĐND quyết định.

Điều 6. Chi các cuộc họp thông qua báo cáo kết quả thẩm tra, giám sát; phiên họp của Thường trực HĐND, các Ban HĐND

1. Chi cho người chủ trì cuộc họp:

- a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Chi cho các thành viên dự họp:

a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi cho công chức, nhân viên phục vụ cuộc họp:

a) Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: 25.000 đồng/người/buổi.

Điều 7. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do HĐND hoặc các cơ quan của HĐND tổ chức

1. Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự:

a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/văn bản.

b) Cấp huyện: 150.000 đồng/văn bản.

c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

2. Chi họp, thảo luận, đóng góp ý kiến: Mức chi như tổ chức cuộc họp quy định tại Điều 6.

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia dự án Luật, Pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật:

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.

b) Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.

c) Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

Điều 8. Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát

1. Chi xây dựng văn bản, giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND

a) Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát chuyên đề, khảo sát hoặc văn bản (bao gồm cả kế hoạch và đề cương):

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản.

- Cấp huyện: 700.000 đồng/văn bản.

- Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả chung của Đoàn giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/ báo cáo.

- Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

2. Chi xây dựng văn bản thẩm tra, giám sát, khảo sát của các ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND.

a) Chi xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát (bao gồm cả kế hoạch và đề cương), kế hoạch thẩm tra, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/văn bản.

- Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản.

- Cấp xã: 200.000 đồng/văn bản.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra, giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: 800.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

3. Chi cho đoàn giám sát, khảo sát:

a) Trưởng đoàn:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên của đoàn, đại biểu mời dự, thư ký, tổ giúp việc:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

c) Công chức, nhân viên phục vụ đoàn:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: 25.000 đồng/người/buổi.

Trong trường hợp hoạt động giám sát, khảo sát của tỉnh diễn ra 02 ngày liên tiếp trở lên tại huyện: Mức chi tiền ăn, mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Chi giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri:

a) Chi họp xem xét báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri: Mức chi như tổ chức cuộc họp quy định tại Điều 6.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 9. Chi tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ để chi các khoản cần thiết như: trang trí, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác của các điểm tiếp xúc cử tri. Mức hỗ trợ cho 3 cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: Mức tối đa 700.000 đồng/điểm tiếp xúc.
- b) Cấp huyện: Mức tối đa 500.000 đồng/điểm tiếp xúc.
- c) Cấp xã: Mức tối đa 300.000 đồng/điểm tiếp xúc.

2. Chi cho đại biểu HĐND, chuyên viên và nhân viên giúp việc trực tiếp cho hoạt động tiếp xúc cử tri:

a) Đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Chuyên viên và nhân viên giúp việc trực tiếp:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 30.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 25.000 đồng/người/buổi.

3. Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến tiếp xúc cử tri của tổ đại biểu HĐND phục vụ kỳ họp HĐND:

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.

4. Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của Thường trực HĐND trình tại kỳ họp HĐND:

- a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 700.000 đồng/báo cáo.
- c) Cấp xã: 400.000 đồng/báo cáo.

Điều 10. Chi hỗ trợ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

Thực hiện theo nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 11. Chi tiền lương, hoạt động phí cho đại biểu HĐND và hỗ trợ chi chế độ phụ cấp kiêm nhiệm cho các chức danh

1. Chi tiền lương, hoạt động phí cho đại biểu HĐND (thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016).

2. Đại biểu HĐND kiêm nhiệm các chức vụ của HĐND thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng như sau:

a) Đại biểu HĐND đang giữ chức vụ ở các cơ quan khác nếu kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo đứng đầu các cơ quan thuộc HĐND cấp tỉnh, cấp huyện như: Chủ tịch HĐND, Trưởng ban của HĐND thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng bằng 10% mức lương chức vụ hoặc mức lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng của người giữ chức danh lãnh đạo kiêm nhiệm.

b) Đại biểu HĐND đang giữ chức vụ ở các cơ quan khác nếu kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐND, Trưởng ban, Phó Trưởng ban cấp xã thì được hưởng mức phụ cấp như sau:

- Chủ tịch HĐND cấp xã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08/04/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trưởng Ban HĐND cấp xã: 0,2 mức lương cơ sở.

- Phó Trưởng ban HĐND cấp xã: 0,1 mức lương cơ sở.

c) Kiêm nhiệm chức danh Tổ trưởng Tổ đại biểu:

- Cấp tỉnh: 0,3 mức lương cơ sở.

- Cấp huyện: 0,2 mức lương cơ sở.

d) Kiêm nhiệm chức danh Phó Tổ trưởng Tổ đại biểu:

- Cấp tỉnh: 0,2 mức lương cơ sở.

- Cấp huyện: 0,1 mức lương cơ sở.

Điều 12. Mức chi thăm hỏi, ốm đau, khó khăn đột xuất và việc tang

1. Đại biểu HĐND khi bị ốm đau điều trị tại bệnh viện được thăm một suất quà trị giá:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/lần.

b) Cấp huyện: 700.000 đồng/người/lần.

c) Cấp xã: 500.000 đồng/người/lần.

2. Đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì mức chi:

a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/lần.

b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/lần.

c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/lần.

3. Mức chi viếng đại biểu HĐND từ trần:

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người.

b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/người.

c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

4. Mức chi viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) đại biểu HĐND từ trần:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người.

b) Cấp huyện: 700.000 đồng/người.

c) Cấp xã: 500.000 đồng/người.

5. Mức chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo ban của HĐND:

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người.

b) Cấp huyện: 700.000 đồng/người.

c) Cấp xã: 500.000 đồng/người.

6. Thăm hỏi ốm đau tối đa không quá 2 lần/người/năm.

Điều 13. Chế độ thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng chính sách nhân dịp các ngày lễ, Tết

1. Đoàn của Thường trực HĐND thăm hỏi, tặng quà:

a) Đối với tập thể:

- Cấp tỉnh: Mức tối đa 1.500.000 đồng/lần/tập thể.

- Cấp huyện: Mức tối đa 500.000 đồng/lần/tập thể.

- Cấp xã: Mức tối đa 300.000 đồng/lần/tập thể.

b) Đối với cá nhân:

- Cấp tỉnh: Mức tối đa 500.000 đồng/lần/cá nhân.

- Cấp huyện: Mức tối đa 300.000 đồng/lần/cá nhân.

- Cấp xã: Mức tối đa 200.000 đồng/lần/cá nhân.

2. Đoàn của các Ban HĐND thăm hỏi, tặng quà:

a) Đối với tập thể:

- Cấp tỉnh: Mức tối đa 500.000 đồng/lần/tập thể.

- Cấp huyện: Mức tối đa 300.000 đồng/lần/tập thể.

- Cấp xã: Mức tối đa 150.000 đồng/lần/tập thể.

b) Đối với cá nhân:

- Cấp tỉnh: Mức tối đa 300.000 đồng/lần/cá nhân.

- Cấp huyện: Mức tối đa 200.000 đồng/lần/cá nhân.

- Cấp xã: Mức tối đa 100.000 đồng/lần/cá nhân.

Việc tổ chức đoàn thăm hỏi và các đối tượng thăm hỏi do Thường trực HĐND quyết định.

Điều 14. Các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND

Ngoài chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH13, đại biểu HĐND được đảm bảo các điều kiện hoạt động như sau:

1. Mỗi nhiệm kỳ, mỗi đại biểu HĐND được hỗ trợ may trang phục:
 - a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
 - b) Cấp huyện: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
 - c) Cấp xã: 2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
2. Chi hỗ trợ khoán văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, khai thác tài liệu, internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu... phục vụ hoạt động của HĐND:
 - a) Đối với đại biểu HĐND không chuyên trách:
 - Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng.
 - Cấp huyện: 100.000 đồng/người/tháng.
 - Cấp xã: 70.000 đồng/người/tháng.
 - b) Đối với đại biểu HĐND chuyên trách:
 - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng.
 - Cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng.
 - Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.
3. Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu hoạt động chuyên trách giữ các chức danh: Thường trực HĐND tỉnh và Trưởng, phó các Ban HĐND tỉnh được hỗ trợ để trang bị 01 máy tính xách tay hoặc máy tính bảng để phục vụ công tác. Mức giá trang bị không vượt quá mức giá tối đa theo quyết định 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Mỗi nhiệm kỳ, các đại biểu được cấp một số dụng cụ để phục vụ hoạt động đại biểu (cặp, sổ ghi chép, phù hiệu...) do Thường trực HĐND quyết định.
5. Chi khen thưởng, tặng quà: Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND xem xét khen thưởng dưới các hình thức thích hợp. Chế độ khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương và của tỉnh. Khi kết thúc nhiệm kỳ, đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm, mức chi quà lưu niệm do Thường trực HĐND quyết định trên cơ sở dự toán được giao.
6. Mức hỗ trợ tại khoản 1 và khoản 2: Trường hợp một đại biểu HĐND nếu trùng cử ở nhiều cấp HĐND thì chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 15. Mức chi hỗ trợ hoạt động các Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh số 4: 20.000.000 đồng/năm.
2. Tổ đại biểu HĐND tỉnh số 1, 2, 3, 5, 6, 7: 10.000.000 đồng/năm.
3. Tổ đại biểu HĐND tỉnh số 8,9: 5.000.000 đồng/năm.

Đối với cấp huyện, mức chi hỗ trợ hoạt động cho các Tổ đại biểu HĐND bình quân 1.000.000 đồng/người/năm, tùy theo số người thực tế của các Tổ đại biểu để tính toán mức hỗ trợ nhưng tối đa 5.000.000 đồng/tổ/năm.

Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm và được ngân sách cấp đó đảm bảo. Việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND các cấp được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng HĐND tỉnh

Hàng năm, căn cứ quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, định mức chi tiêu tài chính được quy định tại Quy định này và nhiệm vụ được giao, Văn phòng HĐND tỉnh xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh gửi Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 18. Trách nhiệm của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện và bộ phận tham mưu, giúp việc cho hoạt động của HĐND cấp xã

Hàng năm, căn cứ quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, định mức chi tiêu được quy định tại Quyết định này và nhiệm vụ được giao:

1. Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND cấp huyện gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp tham mưu UBND trình HĐND cấp huyện xem xét, quyết định.

2. Bộ phận tham mưu, giúp việc cho hoạt động của HĐND cấp xã tham mưu cho Thường trực HĐND cấp xã xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND cùng cấp gửi bộ phận tài chính để tổng hợp tham mưu UBND trình HĐND cấp xã xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao